

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

LỚP MẪU GIÁO 3 TUỔI TRUNG TÂM

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh, bổ sung
1. Giáo dục phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ + Co duỗi chân.	
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2 m) - Đi kiễng gót liên tục 3m	- Đi trong đường hẹp (3x0,2 m). - Đi kiễng gót liên tục 3m	
3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3- 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc - <i>Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.</i>	

4	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m) - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm).	- Lăn, đập bắt bóng với cô - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Tung bắt bóng với cô - Tung bắt bóng 3 lần liên tiếp - <i>Tự đập bắt bóng được 3 lần liên tiếp</i>	
5	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Trẻ chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng - Trẻ ném trúng đích ngang (xa 1,5 m) - Trẻ bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không lệch ra ngoài.	- <i>Chạy liên tục theo hướng thẳng được 15m.</i> - <i>Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m)</i> - <i>Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không lệch ra ngoài</i> - <i>Ném xa bằng 1 tay</i> - Ném trúng đích bằng 1 tay - Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc - Bò chui qua cổng. - Trườn về phía trước - Bước lên, xuống bậc cao (cao 30 cm) - Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20-25cm	
6	Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay cuộn cô tay.	
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8- 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	- Tô vẽ nguyệt xích ngoạc - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Cài, cởi cúc - Đan, tết	
b. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe			
8	<i>Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi</i>	- <i>Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng với nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi.</i>	

	- Cân nặng của trẻ trai: 12,7 - 21,2 kg - Cân nặng của trẻ gái: 12,3 - 21,5 kg - Chiều cao của trẻ trai: 94,9 - 111,7 cm - Chiều cao của trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm	- Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 3 lần/năm - Cân đo: + Đối với trẻ phát triển bình thường, cân đo 3 tháng/lần + Đối với trẻ SDD, béo phì thì theo dõi 1 lần/tháng - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển	
9	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc	
10	Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh, rau...	
11	Trẻ nhiều loại thức ăn khác nhau biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm các loại thực phẩm tránh bị thiu	
12	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo,..	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tự chuẩn bị, lựa chọn đồ dùng cá nhân để đến trường: ba lô, quần áo, giày dép... ; để tham gia các hoạt động tham quan: Tham quan trường tiểu học...	
13	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Cầm thìa xúc cơm ăn bằng tay phải,	
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Cầm bát bằng tay trái, cầm cốc ở quai - Cất bát thìa sau khi ăn - KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Không đùa nghịch khi ăn, không uống nước lã, ăn uống đúng giờ, đủ chất..	
15	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Bảo vệ chăm sóc sức kk bản thân. Cs mắt, mũi, tai,	

	- Trẻ chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi đi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	<i>miệng...</i> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - <i>Bỏ rác đúng nơi quy định; (Không nhổ bậy ra lớp)</i> - <i>KN sống hài hoà với môi trường tự nhiên: sử dụng các vật liệu tự nhiên/ tái chế phân loại rác thải</i>	
16	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: Bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, phích nước - KN sống hài hoà với môi trường tự nhiên: + <i>Nhận biết được nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ: bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, bao diêm</i> + <i>Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số sự cố có thể gây cháy nổ có thể xảy ra: Không được đến gần bếp nấu, không nghịch bật lửa, bao diêm</i> + <i>Biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe báo cháy: Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở</i> - <i>Ứng phó khi có đám cháy/gặp nạn: Nằm áp sát xuống nền nhà cạnh chân tường/hô to gọi người lớn hoặc bỏ nhanh ra</i> - <i>KN sử dụng đồ dùng an toàn: KN nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm.</i>	
17	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước...) khi được nhắc nhở - <i>Trẻ có kỹ năng ứng phó phù hợp với thiên tai: Mưa bão, ở trong nhà, làm theo người lớn.</i>	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ biết nghe và làm theo lời người lớn. - KN sống hài hoà với môi trường tự nhiên: - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng như Khe suối, bể nước, ao, hồ, bụi rậm, nơi có nguy cơ sạt lở,...khu vực an toàn của trường/ nơi	

		lãnh nạn khi có thiên tai, hoạt động phòng chống thiên tai của gia đình. - Phòng tránh đuối nước, ao hồ.	
18	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Trẻ không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Trẻ không tự lấy thuốc uống. - Trẻ không leo trèo bàn ghế, lan can - Trẻ không nghịch các vật sắc nhọn. - Trẻ không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Nhận biết và phòng tránh những nguy hiểm đến tính mạng: khi được nhắc nhở + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.. + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo bàn ghế, lan can + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp - Thực hành một số tình huống có nguy cơ mất an toàn. + NB 1 số tình huống và cách xử lý khi bị lạc, bị bắt cóc, bị xâm hại, mắc kẹt trong không gian kín. + KN nhận biết các nguồn nhiệt nguy hiểm và cách phòng tránh. + KN xử lý khi gặp đám cháy, nổ, hoả hoạn. - Ứng phó khi có đám cháy/gặp nạn: Nằm áp sát xuống nền nhà cạnh chân tường/hô to gọi người lớn hoặc bỏ nhanh ra khỏi chỗ đám cháy...	
2. Giáo dục phát triển nhận thức			
a. Khám phá khoa học			
19	Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm + Ứng phó với sự thay đổi của thời tiết/môi trường. + Đặt câu hỏi: Sự thay đổi của thời tiết/môi trường. - Yêu quý bảo vệ cảnh quan môi trường.	
20	Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nổi bật của đối tượng. nhìn,	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể: Mắt, mũi, tai, miệng, làn da... Cơ thể của bé	

	nghe, ngửi, sờ ... để nhận ra đặc điểm	(Các bộ phận, các giác quan).	
21	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	
22	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- <i>Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai:</i> + <i>Động đất:</i> Ra chỗ đất trống...; Sắm sét tránh xa đường dây điện, cây to, các vật dụng kim loại. + <i>Sạt lở:</i> Đất đá các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống + <i>Lũ:</i> Là hiện tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt qua mức bình thường. + <i>Mưa đá:</i> mưa kèm theo những viên nước đá có hình dạng và kích thước khác nhau rơi xuống đất - <i>KN:</i> Ứng phó khi gặp mưa gió bão; <i>HD trẻ 1 số KN</i> khi gặp mưa, gió bão... - <i>Nhận biết một số luật giao thông đơn giản và tham gia giao thông đúng luật như: Đội mũ bảo hiểm khi ngồi xe máy, đi bên tà lị dương...</i>	
23	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi: <i>Đồ chơi của lớp, đồ dùng trong gia đình.</i> - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao quen thuộc.	
24	<i>Trẻ nhận biết, gọi tên bằng tiếng việt trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể, màu sắc, các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp, con vật, cây, hoa, quả, PTGT...</i>	- <i>Kể tên bằng Tiếng việt các bộ phận, giác quan của cơ thể.</i> - <i>Nhận biết và kể tên bằng Tiếng việt một số đồ dùng đồ chơi của lớp; các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp, con vật, cây, hoa, quả, PTGT...</i>	
25	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	

	hỏi	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày - <i>Yêu quý bảo vệ chăm sóc con vật thân thuộc.</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Tiếp xúc an toàn với cây, con vật.</i>	
26	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa quả quen thuộc: <i>Một số loại thực phẩm; cây xanh, một số loại hoa, một số loại quả, một số loại rau. Vật nuôi trong gia đình (gia cầm, gia súc), động vật sống trong rừng, một số loại cá.</i>	
27	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	- <i>Chơi các góc, nhóm chơi như: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai, gia đình, bác sỹ xây dựng...</i>	
28	- <i>Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng việt trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, một số bộ phận cơ thể, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số con vật, cây, hoa, quả, PTGT, mùa hè.</i>	<i>Nhận biết và kể tên bằng tiếng việt một số PTGT quen thuộc.</i> - <i>Nhận biết và kể tên bằng Tiếng việt một số con vật, hoa, quả quen thuộc.</i> - <i>Nhận biết và kể tên bằng Tiếng việt một số đồ dùng đồ chơi của lớp.</i> - <i>Nhận biết và kể tên bằng Tiếng việt các mùa.</i>	

b. Bé làm quen với khái niệm sơ đẳng về toán

29	Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- <i>Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng</i>	
30	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- <i>Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.</i>	
31	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách	- 1 và nhiều	

	khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
32	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5	
33	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn	
34	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - Xếp xen kẽ - Nhận ra quy tắc sắp xếp từ thấp đến cao và sắp xếp lại - Nhận ra quy tắc sắp xếp từ nhỏ đến to và sắp xếp lại	
35	Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn / nhỏ hơn; dài hơn / ngắn hơn; cao hơn thấp hơn; bằng nhau	- So sánh 2 đối tượng về kích thước + So sánh chiều cao của 2 đối tượng. + So sánh kích thước to – nhỏ của 2 đối tượng. + So sánh chiều dài của 2 đối tượng.	
36	Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết và gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình trong thực tế - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép	
37	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	

c. Khám phá xã hội

38	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân	
39	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong GD	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	
40	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình	
41	Trẻ nói được tên trường / lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hđ của trẻ ở	

	hỏi, trò chuyện	trường - <i>Tên, địa chỉ của trường, lớp, tên, công việc của cô nuôi dưỡng; Tên và đặc điểm của các bạn trong lớp.</i>	
42	Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến (<i>Nghề nông, nghề giáo viên, nghề y</i>) - Gọi tên, sản phẩm một số nghề bằng Tiếng Việt.	
43	Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết Trung thu	- <i>Một số lễ hội: Ngày hội đến trường, Ngày Tết Trung thu; 20/11; Tết nguyên đán; tết dân tộc; 8/3.</i>	
44	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. - <i>Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ địa danh ở Điện Biên: Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ, đồi A1, hầm Đờ Cát.</i>	

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a, Nghe

45	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	Hiểu, làm được các yêu cầu đơn giản	
46	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động hiện tượng gần gũi, quen thuộc - Nghe hiểu nội dung các câu đơn giản, câu mở rộng	
47	Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè, phù hợp với độ tuổi	

b, Nói

48	Trẻ nói rõ các tiếng - <i>Trẻ nói được từ, câu tiếng Việt đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn</i>	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt - <i>Nói Tiếng Việt tên, tuổi, trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>	
----	--	---	--

49	Trẻ biết sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ	
50	Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	
51	Trẻ kể lại được những việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi xem phim...	- Kể lại sự việc	
52	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	
53	Trẻ kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe	
54	Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	
55	Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ"; "Dạ"; "Thưa".... trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	
56	Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí	<i>KN kiểm soát cảm xúc: Thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh, nhận biết cảm xúc của bản thân.</i>	

c, Làm quen với đọc, viết

57	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn sách - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...) - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện	
58	Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nv trong tranh.	- <i>Gọi tên nhân vật trong tranh.</i>	
59	Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới	

		+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Tiếp xúc với chữ, sách truyện	
4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội			
60	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân	- Tên, tuổi, giới tính	
61	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích. - <i>Bình đẳng giới.</i>	
62	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- <i>Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động</i>	
63	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- <i>Thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)</i>	
64	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	
65	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	
66	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ. <i>Nhận ra hình ảnh Bác Hồ</i> - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: <i>Ngày hội đến trường, Ngày Tết Trung thu; 20/11; Tết nguyên đán; tết dân tộc, 8/3.</i> - <i>Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ địa danh ở Điện Biên: Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ, đồi A1, hầm Đờ Cát.</i>	
67	Trẻ thích nghe kể truyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- <i>Nghe kể truyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ</i>	
68	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)	

69	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Nhận biết hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu". - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	
70	Trẻ biết chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói...	- <i>Lắng nghe cô và bạn nói</i>	
71	Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Chơi hòa thuận với bạn - Chờ đến lượt	
72	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối - <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường</i>	
73	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường <i>Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học</i>	

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

74	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	
75	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	
76	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	- <i>Cảm nhận của trẻ trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.</i>	
77	Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	
78	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát,	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản	

	bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	
79	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	
80	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối - Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	
81	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình	
82	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát / nghe các bài hát, bản quen thuộc	
83	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	
84	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình - <i>Thể hiện sự hiểu biết qua các hoạt động âm nhạc, tạo hình, vui chơi: Hoạt động chơi ngoài trời, hoạt động góc.</i>	

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ (3 TUỔI)

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội
01/09 - 05/09/2025		Ổn định, rèn nề nếp			
8/9- 12/9	1	Trường mầm non của bé	Trường Mầm non thân yêu của bé	1	Ngày hội đến trường
15/9- 19/9			Lớp học thân yêu của bé	1	
22/9 -26/9			Đồ dùng, đồ chơi của bé	1	
29/9- 03/10	2	Bản thân	Bé là ai?	1	
06/10- 10/10			Bé vui tết Trung thu	1	Tết Trung thu (6/10)
13/10 - 17/10			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1	
20/10 - 24/10	3	Gia đình	Gia đình sống chung một ngôi nhà	1	PNVN 20/10
27/10- 31/10			Ngôi nhà thân yêu của bé	1	
03/11 - 7/11			Những đồ dùng trong gia đình bé	1	
10/11 -14/11	4	Nghề nghiệp	Nghề nông	1	
17/11 -21/11			Ngày hội của các cô giáo	1	Ngày NGVN 20/11

24/11 -28/11			Nghề y	1	
01/12 -05/12			Nghề xây dựng	1	
8/12 - 12/12			Nghề phổ biến ở địa phương	1	
15/12 - 19/12	5	Động vật	Động vật nuôi trong gia đình	1	
22/12 -26/12			Động vật sống trong rừng	1	QĐNDVN 22/12
29/12 - 2/1/2026			Động vật sống dưới nước	1	
5/1 -9 /1			Côn trùng và các loài Chim	1	
12/1 - 16/1			Ôn		Kết thúc hk1 18/1
19/1 - 23/1	6	Cây xanh và mùa xuân	Bé với các loại rau	1	
26/1- 30/1			Bé và các loại hoa, quả	1	
2/2-6/2			Một số loại cây xanh	1	
9/2 - 13/2			Tết và mùa xuân	1	
16 /2 - 20/2			Nghỉ tết nguyên đán		Tết nguyên đán
23/2 -27/2			Cây lương thực	1	
2/3 - 6/3	7	Phương tiện và	Phương tiện giao thông đường bộ	1	Tổ chức Ngày QTPN vào 6/3

9/3 -13/3		quy định giao thông	Phương tiện giao thông đường thủy	1	
16/3 - 20/3			Phương tiện giao thông đường hàng không	1	
23/3 - 27/3			Một số luật lệ giao thông	1	
30/3 – 3/4	8	Hiện tượng tự nhiên	Sự kì diệu của nước	1	
06/04-10/04			Một số hiện tượng tự nhiên	1	
13/4 - 17/4			Bé học thời gian	1	
20/4- 24/4			Các mùa trong năm	1	
27/4- 1/5	9	QH -ĐN- BH	Bản làng em	1	Giỗ tổ HV 10.3, 30/4, 1/5
4/5- 8/5			Quê hương yêu dấu	1	
11/5-15/5			Em yêu thủ đô Hà Nội	1	
18/5-22/5			Bác hồ với các cháu thiếu nhi	1	

Pa Ham, ngày 04 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

TỔ PHÓ CHUYÊN MÔN

PHÊ DUYỆT CM NHÀ TRƯỜNG

Mào Thị Liên

Lường Thu Thanh

Lò Thị Dương